

Số: /KL-TTr

Điện Biên, ngày tháng 06 năm 2025

KẾT LUẬN THANH TRA

Chuyên đề về công tác quản lý thăm dò, khảo sát, quy hoạch, cấp phép, khai thác, vận chuyển đối với các mỏ vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Thực hiện Quyết định thanh tra số 32/QĐ-TTr ngày 01/4/2025 của Chánh Thanh tra tỉnh về việc thanh tra chuyên đề công tác quản lý thăm dò, khảo sát, quy hoạch, cấp phép, khai thác, vận chuyển đối với các mỏ vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Từ ngày 03/4/2025 đến ngày 04/6/2025 Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 05/6/2025 của Trưởng Đoàn thanh tra, Chánh thanh tra tỉnh kết luận thanh tra như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là sở Nông nghiệp và Môi trường sau khi hợp nhất Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với Sở Tài nguyên và Môi trường sau đây gọi tắt là Sở) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên khoáng sản, môi trường và các lĩnh vực liên quan theo quy định của pháp luật. Phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước (nay là Phòng Quản lý Môi trường và Khoáng sản) là bộ phận trực tiếp được giao nhiệm vụ tham mưu, triển khai các nội dung liên quan đến quản lý nhà nước trong hoạt động khai thác khoáng sản đối với các mỏ vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Trong những năm qua, công tác quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh được thực hiện trong bối cảnh hệ thống pháp luật về khoáng sản ngày càng hoàn thiện, tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho tổ chức triển khai nhiệm vụ. Các quy hoạch khoáng sản từng bước được tích hợp đồng bộ trong Quy hoạch tỉnh, góp phần làm rõ định hướng phát triển ngành công nghiệp khai thác vật liệu xây dựng của địa phương. Tổ chức bộ máy, đội ngũ công chức quản lý nhà nước trong hoạt động khai thác khoáng sản được kiện toàn; công tác phối hợp giữa Sở với các cơ quan như Sở Tài chính, Cục Thuế, Sở Xây dựng và chính quyền địa phương cấp huyện, xã từng bước được nâng cao, hỗ trợ cho việc thực hiện chức năng quản lý.

Tuy nhiên, công tác quản lý khoáng sản cũng gặp không ít khó khăn, xuất phát từ các điều kiện đặc thù của tỉnh Điện Biên là tỉnh miền núi, địa hình đồi núi dốc, chia cắt mạnh, giao thông không thuận lợi; nhiều khu vực phân bố khoáng sản nằm xa khu dân cư, chưa có hạ tầng tiếp cận. Các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh chủ yếu có quy mô nhỏ, phân bố rải rác, trữ lượng không lớn. Các yếu tố trên đã tác động trực tiếp đến khả năng thực hiện

công tác quản lý nhà nước của Sở trong lĩnh vực quản lý khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, cũng như khả năng đáp ứng kịp thời, đầy đủ nguồn vật liệu phục vụ các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA XÁC MINH

1. Công tác tham mưu ban hành các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn

Trong giai đoạn từ năm 2019 đến tháng 6 năm 2024, Sở đã chủ động triển khai nhiệm vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành hệ thống văn bản quản lý nhằm cụ thể hóa các quy định pháp luật về khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (VLXD TT) cơ bản phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Tham mưu Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh ban hành tổng số 15 văn bản quy phạm pháp luật¹ và 36 văn bản chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện² có hiệu quả công tác quản lý nhà nước về hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh, tập trung vào một số nội dung quan trọng như: hướng dẫn trình tự, thủ tục cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản; tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản; quản lý hoạt động khai thác; việc thực hiện các khoản nghĩa vụ tài chính liên quan (phí bảo vệ môi trường, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản); kiểm tra, giám sát các hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Trực tiếp ban hành, phối hợp với các sở, ngành liên quan như Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh (nay là Chi cục Thuế khu vực IX) ban hành 10 văn bản hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoáng sản thực hiện đúng quy định pháp luật, để quản lý có hiệu quả các hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng. Nội dung hướng dẫn, đôn đốc của Sở đã chú trọng vào việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật, hướng dẫn thực hiện các nghĩa

¹ (1) Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND; (2) Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND; (3) Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND; (4) Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND; (5) Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND; (6) Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND; (7) Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND; (8) Quyết định số 54/2019/QĐ-UBND; (9) Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND; (10) Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND; (11) Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND; (12) Quyết định số 33/2021/QĐ-UBND; (13) Quyết định số 57/2022/QĐ-UBND; (14) Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND; (15) Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Điện Biên.

² (1) Quyết định 1053/QĐ-UBND ngày 31/8/2010; (2) Quyết định 53/QĐ-UBND ngày 25/1/2014; (3) Quyết định 231/QĐ-UBND ngày 7/4/2014; (4) Quyết định 638/QĐ-UBND ngày 31/7/2015; (5) Quyết định 553/QĐ-UBND ngày 20/6/2017; (6) Quyết định 951/QĐ-UBND ngày 28/5/2021; (7) Quyết định 1312/QĐ-UBND ngày 22/7/2021; (8) Quyết định 1662/QĐ-UBND ngày 10/9/2021; (9) Quyết định 2015/QĐ-UBND ngày 8/11/2021; (10) Quyết định 02/QĐ-UBND ngày 4/1/2022; (11) Quyết định 1639/QĐ-UBND ngày 9/9/2022; (12) Quyết định 558/QĐ-UBND ngày 31/3/2023; (13) Quyết định 1777/QĐ-UBND ngày 31/10/2023; (14) Quyết định 109/QĐ-TTg ngày 27/1/2024; (15) Công văn 2166/UBND-TN ngày 16/6/2014; (16) Công văn 2314/UBND-KTN ngày 7/8/2019; (17) Công văn 2440/UBND-KTN ngày 19/8/2019; (18) Công văn 3248/UBND-KTN ngày 6/11/2019; (19) Công văn 330/UBND-TH ngày 13/2/2020; (20) Công văn 2702/UBND-KTN ngày 15/9/2020; (21) Công văn 2609/UBND-TN ngày 16/8/2021; (22) Công văn 3609/UBND-KTN ngày 28/10/2021; (23) Công văn 4339/UBND-KTN ngày 23/12/2021; (24) Chỉ thị 05/CT-UBND ngày 31/5/2022; (25) Công văn 1690/UBND-KTN ngày 7/6/2022; (26) Công văn 1998/UBND-KTN ngày 30/6/2022; (27) Công văn 2043/UBND-KTN ngày 4/7/2022; (28) Kế hoạch 2917/KH-UBND ngày 13/9/2022; (29) Công văn 3426/UBND-TH ngày 21/10/2022; (30) Công văn 2087/UBND-KTN ngày 22/5/2023; (31) Công văn 3714/UBND-KTN ngày 23/8/2023; (32) Công văn 4880/UBND-KTN ngày 19/10/2023; (33) Công văn 4977/UBND-KTN ngày 25/10/2023; (34) Công văn 1521/UBND-KT ngày 5/4/2024; (35) Công văn 4417/UBND-KTN ngày 1/10/2024; (36) Công văn 5036/UBND-KTN ngày 7/11/2024.

vụ tài chính và chấp hành quy định về bảo vệ môi trường, an toàn lao động trong khai thác khoáng sản.

Tồn tại hạn chế qua thanh tra:

Việc tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 21/2020/NĐ-HĐND quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh còn chậm, chưa bảo đảm thời hạn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ.

2. Công tác quy hoạch và khoanh định khu vực hoạt động khoáng sản

Công tác lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện các quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh đã được Sở tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật, chủ động phối hợp với các sở, ngành và UBND cấp huyện, cấp xã trong việc tổ chức khảo sát, rà soát các điểm mỏ, làm cơ sở cho việc lập, điều chỉnh và tích hợp các quy hoạch về khoáng sản VLXDĐT vào Quy hoạch tỉnh Điện Biên.

Phối hợp với Sở Công Thương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 31/8/2010 về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Điện Biên giai đoạn đến năm 2015, có xét đến năm 2020; phối hợp với Sở Xây dựng trong việc tham mưu phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Điện Biên giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 theo Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 07/4/2014, cũng như việc phê duyệt bổ sung điểm mỏ tại Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 31/7/2015. Tổ chức khảo sát, thu thập thông tin, xác định thực trạng phân bố tài nguyên khoáng sản để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 109/QĐ-TTg ngày 27/01/2024, trong đó xác định 62 khu vực điểm mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, bao gồm: 30 điểm mỏ đá xây dựng, 03 điểm mỏ đất làm nguyên liệu sản xuất gạch, 05 điểm mỏ đất san lấp, 22 điểm mỏ cát, 01 điểm mỏ đá phiến lợp và 01 điểm mỏ đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng.

Đối với công tác khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, Sở đã phối hợp với Sở Công Thương tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 31/8/2010 phê duyệt 24 khu vực không được phép tiến hành hoạt động khoáng sản. Việc khoanh định được thực hiện theo quy định, trên cơ sở rà soát các khu vực có giá trị về môi trường, sinh thái, quốc phòng - an ninh và các yếu tố đặc thù khác.

Tồn tại hạn chế qua thanh tra:

Sở đã tham mưu UBND tỉnh thực hiện việc khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, nhưng chưa tiếp tục tham mưu để UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

3. Công tác cấp phép thăm dò, khai thác, gia hạn, nâng công suất

Trong thời kỳ được thanh tra, Sở đã thực hiện chức năng tham mưu công tác thẩm định hồ sơ và trình cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Khoáng sản năm 2010. Trình UBND tỉnh cấp 15 Giấy phép thăm dò khoáng sản³. Các hồ sơ đề nghị cấp phép thăm dò đều được xem xét đầy đủ điều kiện pháp lý, năng lực kỹ thuật, tài chính, nội dung đề án thăm dò theo yêu cầu của pháp luật. Sau khi được cấp phép, các tổ chức thực hiện hoạt động thăm dò theo nội dung giấy phép, kết quả thăm dò được lập thành báo cáo và là cơ sở để xác định trữ lượng khoáng sản phục vụ công tác cấp phép khai thác.

Về hoạt động khai thác khoáng sản, Sở đã tham mưu cấp 14 Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, trong đó có 09 giấy phép cấp lần đầu và 05 giấy phép cấp do thực hiện chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản theo quy định. Thanh tra thực tế đối với 03 giấy phép khai thác⁴ cho thấy, các hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác đáp ứng các nội dung theo quy định, gồm: đơn đề nghị cấp phép; dự án đầu tư khai thác khoáng sản; báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường đã được phê duyệt; quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản; bản đồ khu vực khai thác và tài liệu chứng minh năng lực tài chính, kỹ thuật của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

Trong công tác điều chỉnh giấy phép khai thác, đã tham mưu điều chỉnh nâng công suất khai thác đối với 02⁵ khu vực mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông

³ (1) Giấy phép 08/GP-UBND ngày 06/9/2019 thăm dò Cát VLXDĐT tại Đội 2, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên; (2) Giấy phép 21/GP-UBND ngày 23/11/2020 thăm dò Cát VLXDĐT tại bãi màu Nậm Thanh và đội 19 (thôn Đại Thanh), xã Noong Luông, huyện Điện Biên; (3) Giấy phép 12/GP-UBND ngày 29/8/2022 thăm dò Cát VLXDĐT tại Đội 1, bản Noong Vai và Đội 15, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên; (4) Giấy phép 13/GP-UBND ngày 29/8/2022 thăm dò Cát VLXDĐT tại Thôn C2 – Yên Trường, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên; (5) Giấy phép 17/GP-UBND ngày 31/8/2022 thăm dò Cát VLXDĐT tại Thôn C3 – Thanh Trường, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên; (6) Giấy phép 09/GP-UBND ngày 26/8/2022 thăm dò Cát VLXDĐT tại Thôn 2, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên; (7) Giấy phép 10/GP-UBND ngày 25/8/2022 thăm dò Cát VLXDĐT tại Đội 15, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên; (8) Giấy phép 11/GP-UBND ngày 25/8/2022 thăm dò Cát VLXDĐT tại Lồng suối Nậm Núa thuộc thôn Phú Ngam, xã Núa Ngam và bản Ta Lét, xã Hẹ Muông, huyện Điện Biên; (9) Giấy phép 09/GP-UBND ngày 17/10/2019 thăm dò Đá VLXDĐT tại Búng Lao, xã Búng Lao, huyện Mường Ảng; (10) Giấy phép 02/GP-UBND ngày 18/3/2022 thăm dò Đất san lấp tại bản Pom loi, phường Nam Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ; (11) Giấy phép 06/GP-UBND ngày 9/8/2022 thăm dò Cát VLXDĐT tại bãi bồi lòng sông Nậm Mực thuộc bản Hin 2, xã Na Sang, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên; (12) Giấy phép 07/GP-UBND ngày 9/8/2022 thăm dò Cát VLXDĐT tại bãi bồi lòng sông Nậm Mực thuộc bản Mường Mươn, xã Mường Mươn, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên; (13) Giấy phép 16/GP-UBND ngày 29/8/2022 thăm dò Cát VLXDĐT tại Bãi bồi lòng suối Nậm Giới, thuộc bản Yên Bua, huyện Điện Biên Đông; (14) Giấy phép 15/GP-UBND ngày 29/8/2022 thăm dò Cát VLXDĐT tại Lồng suối Nậm Giới thuộc bản Mường Luân 1,2 xã Mường Luân, huyện Điện Biên Đông; (15) Giấy phép 14/GP-UBND ngày 29/8/2022 thăm dò Cát VLXDĐT tại Lồng suối Nậm Giới thuộc bản Mường Luân 2, xã Mường Luân, huyện Điện Biên Đông.

⁴ 11 giấy phép khai thác khoáng sản đã được Thanh tra tỉnh thanh tra và có Kết luận số 1046/KL-TTtr ngày 26/12/2024; 03 giấy phép còn lại được thanh tra gồm: 02 giấy phép khai thác khoáng sản cấp lần đầu cho Công ty TNHH Ánh Ngọc Điện Biên tại điểm mỏ cát Đội 15, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên và Công ty TNHH đầu tư CTS tỉnh Điện Biên tại điểm mỏ cát Thôn C2 – Yên Trường, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên; 01 giấy phép khai thác khoáng sản cho đơn vị nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản tại Điểm mỏ cát Đội 6, xã Pom Lót và đội 19, xã Noong Luông, huyện Điện Biên (Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đầu tư công nghệ Sơn Thủy nhận chuyển nhượng từ Doanh nghiệp thương mại tư nhân Nam Sơn theo đơn đề nghị chuyển nhượng ngày 20/8/2018)

⁵ (1) Quyết định số 491/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 của UBND tỉnh Điện Biên V/v điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại điểm mỏ Sín Sù, xã Xá Nhè, huyện Tủa Chùa,

thường và bổ sung nội dung khai thác đất tầng phủ làm vật liệu san lấp đối với 02⁶ Giấy phép khai thác khoáng sản. Việc điều chỉnh giấy phép được thực hiện trên cơ sở xem xét năng lực khai thác, trữ lượng khoáng sản, nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng tại địa phương và phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Việc tham mưu tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản

Trên cơ sở rà soát các quy hoạch và điều kiện thực tế của địa phương, Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 phê duyệt 33 khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 4 Điều 78 Luật Khoáng sản và Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ. Việc xác định rõ các khu vực không đấu giá đã tạo điều kiện thuận lợi để triển khai các kế hoạch tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

Tham mưu giúp UBND tỉnh phê duyệt 02 kế hoạch tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản VLXDTT tại Quyết định số 1312/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 (đối với 14 điểm mỏ) và Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 (đối với 07 điểm mỏ). Trên cơ sở kế hoạch được phê duyệt, Sở đã phối hợp với các cơ quan liên quan lựa chọn các tổ chức đấu giá chuyên nghiệp để điều hành các cuộc đấu giá; tham mưu UBND tỉnh phê duyệt giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước và tổng vốn đầu tư dự án khai thác khoáng sản làm cơ sở tổ chức đấu giá theo quy định.

Kết quả thực hiện cho thấy, tỉnh Điện Biên đã tổ chức đấu giá thành công 21/21 điểm mỏ được đưa ra đấu giá⁷. Sau khi có kết quả đấu giá, Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các điểm mỏ theo quy định tại Nghị định số 22/2012/NĐ-CP, hướng dẫn các tổ chức trúng đấu giá hoàn thiện các thủ tục pháp lý, nghĩa vụ tài

tỉnh Điện Biên; (2) Quyết định số 1686/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 của UBND tỉnh Điện Biên V/v điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại điểm mỏ Huổi Dích, xã Na Sang, huyện Mường Chà

⁶ (1) Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND tỉnh Điện Biên V/v bổ sung giấy phép khai thác khoáng sản số 25/GP-UBND ngày 11/11/2015 của UBND tỉnh Điện Biên; (2) Quyết định số 474/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 của UBND tỉnh Điện Biên V/v bổ sung giấy phép khai thác khoáng sản số 05/GP-UBND ngày 1/2/2016 của UBND tỉnh Điện Biên

⁷ (1) Điểm mỏ cát, sỏi lòng sông Nậm Núa, huyện Điện Biên; (2) Điểm mỏ cát, sỏi đội 1 bản Noong Vai và đội 15 xã Thanh Yên, huyện Điện Biên; (3) Điểm mỏ cát, sỏi đội 15 xã Thanh Yên, huyện Điện Biên; (4) Điểm mỏ cát, sỏi thôn 2, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên; (5) Điểm mỏ cát, sỏi thôn C2 Yên Trường, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên; (6) Điểm mỏ cát, sỏi thôn C3 Yên Trường, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên; (7) Điểm mỏ cát, sỏi bãi màu Nậm Thanh và đội 19, xã Noong Luông, huyện Điện Biên; (8) Điểm mỏ cát, sỏi đội 2, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên; (9) Điểm mỏ cát sỏi lòng suối Nậm Giới, bản Mường Luân 1, 2, xã Mường Luân, huyện Điện Biên Đông; (10) Điểm mỏ cát sỏi lòng suối Nậm Giới, bản Mường Luân 2, xã Mường Luân, huyện Điện Biên Đông; (11) Điểm mỏ cát sỏi lòng suối Nậm Giới, bản Yên Bua, xã Mường Luân, huyện Điện Biên Đông; (12) Điểm mỏ cát sỏi bãi bồi lòng suối Nậm Mực, bản Mường Mươn, xã Mường Mươn, huyện Mường Chà; (13) Điểm mỏ cát sỏi bãi bồi lòng suối Nậm Mực, bản Hin 2, xã Na Sang, huyện Mường Chà; (14) Điểm mỏ đất làm vật liệu san lấp bản Mên, xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên; (15) Điểm mỏ đất làm vật liệu san lấp bản Hà, bản Xôm, xã Pá Khoang, thành phố Điện Biên Phủ; (16) Điểm mỏ đất làm vật liệu sản xuất gạch bản Pú Tầu, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên; (17) Điểm mỏ đất làm vật liệu san lấp khối Đồng Tâm, thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần Giáo; (18) Điểm mỏ cát sỏi lòng suối Nậm Húa, bản Bôm, bản Chăn, xã Chiềng Đông, huyện Tuần Giáo; (19) Điểm mỏ cát sỏi lòng suối Nậm Lay, xã Nạy Lưa, thị xã Mường Lay; (20) Điểm mỏ cát sỏi lòng suối Nậm Xả, bản Mường Toong, xã Mường Toong, huyện Mường Nhé.

chính cần thiết để triển khai hoạt động khai thác theo quy định của pháp luật.

Tồn tại hạn chế qua thanh tra:

Năm 2019, 2020, Sở chưa tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính Phủ.

Đối với các khu vực chưa có kết quả thăm dò, Sở chưa tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định suất đầu tư dự toán đề án thăm dò khoáng sản hoặc tổng vốn đầu tư dự án khai thác khoáng sản làm căn cứ đánh giá hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá, theo quy định tại khoản 3 Điều 68 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

5. Công tác kiểm tra, thanh tra quản lý hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản VLXD

Trong thời kỳ được thanh tra, Sở đã chủ động triển khai và phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý, kiểm tra, thanh tra hoạt động khai thác và vận chuyển khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh. Chủ động thực hiện quản lý nhà nước thông qua việc thường xuyên theo dõi, đôn đốc các đơn vị khai thác khoáng sản thực hiện các quy định pháp luật, đặc biệt là chấp hành nội dung giấy phép khai thác, đảm bảo đúng phạm vi ranh giới, sản lượng khai thác đã được phê duyệt, cơ bản đã lắp đặt thiết bị giám sát sản lượng khai thác (trạm cân, camera giám sát), thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường, an toàn lao động theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định. Tuyên truyền, hướng dẫn các đơn vị khai thác chấp hành các quy định về báo cáo định kỳ, cung cấp thông tin, dữ liệu về sản lượng khai thác, việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định để đảm bảo quản lý chặt chẽ, hiệu quả các hoạt động khoáng sản.

Tính đến thời điểm tháng 6 năm 2024, trên địa bàn tỉnh Điện Biên có 27 giấy phép khai thác khoáng sản làm VLXDĐT đang còn hiệu lực, bao gồm: 01 giấy phép khai thác đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng; 18 giấy phép khai thác đá VLXDĐT; 07 giấy phép khai thác cát VLXDĐT; 01 giấy phép khai thác đất san lấp.

Sở đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan như UBND các huyện, thành phố, thị xã, Cục Thuế tỉnh, Sở Xây dựng và các lực lượng chức năng tại địa phương để nắm tình hình hoạt động, vận chuyển khoáng sản và thực hiện các biện pháp xử lý kịp thời khi phát hiện vi phạm. Trong thời kỳ thanh tra Sở đã tổ chức 06 cuộc thanh tra, kiểm tra tại 40 tổ chức khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Qua công tác thanh tra, kiểm tra đã phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về khoáng sản như: khai thác ngoài phạm vi giấy phép, khai thác vượt công suất, khai thác không đúng thiết kế kỹ thuật, khai thác cát sỏi trái phép tại các lòng sông, suối. Kết quả đã xử lý vi phạm hành chính đối với 13 tổ chức và 25 cá nhân,

với tổng số tiền xử phạt trên 1.305 triệu đồng⁸. Một số trường hợp vi phạm nghiêm trọng đã áp dụng thêm hình thức xử lý bổ sung như tước quyền sử dụng giấy phép khai thác khoáng sản, yêu cầu khắc phục hiện trạng theo đúng giấy phép đã được cấp⁹.

Tồn tại hạn chế:

Năm 2024 Thanh tra tỉnh Điện Biên đã tiến hành thanh tra tại Sở Tài nguyên và Môi trường theo Quyết định số 92/QĐ-TTr ngày 06/9/2024 và ban hành Kết luận số 1046/KL-TTr ngày 26/12/2024 đã chỉ rõ công tác kiểm tra, thanh tra của Sở còn tồn tại: tại một số mỏ được cấp phép vẫn còn tồn tại các vi phạm chưa được phát hiện và xử lý trong quá trình kiểm tra, giám sát của Sở. Các vi phạm gồm: chưa xây dựng đầy đủ công trình khai thác theo thiết kế mỏ đã được thẩm định tại 04 điểm mỏ¹⁰; chưa thực hiện thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản theo định kỳ tại 01 điểm mỏ¹¹; bản đồ hiện trạng khu vực khai thác không đầy đủ thông tin tại 05 điểm mỏ¹²; hoạt động khai thác chưa phù hợp với thiết kế cắt tầng được phê duyệt tại 05 điểm mỏ¹³; chưa lắp đặt trạm cân và camera giám sát theo quy định tại 06 điểm mỏ. Việc cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản còn một số tồn tại như: Báo cáo thẩm định kết quả thăm dò khoáng sản thiếu nội dung; Thẩm định, chấp thuận kết quả thăm dò khoáng sản đối với hồ sơ còn thiếu các tài liệu cần thiết về cá nhân tham gia thi công đề án thăm dò; Thiếu nhật ký giám sát đề án thăm dò khoáng sản; Xác định không đúng số lần nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong tham mưu phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại điểm mỏ Pa Tần với số tiền thu hồi qua thanh tra 567.997.882 đồng.

6. Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính trong lĩnh vực khoáng sản

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản theo quy định, trong giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2024, Sở đã chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện hoàn thành các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ

⁸ Năm 2019: 01 cuộc kiểm tra, xử phạt 25 cá nhân khai thác cát, sỏi trái phép với tổng số tiền 111 triệu đồng; Năm 2020: 01 cuộc kiểm tra, xử phạt 2 tổ chức khai thác vượt công suất với tổng số tiền 120 triệu đồng, tước quyền sử dụng giấy phép 6 tháng; Năm 2021: 01 cuộc kiểm tra, phát hiện 2 tổ chức khai thác vượt ranh giới, xử phạt 564 triệu đồng; Năm 2022: 01 cuộc thanh tra, xử phạt 1 tổ chức khai thác đá không đúng thiết kế, số tiền 80 triệu đồng; Năm 2023: 01 cuộc thanh tra, xử phạt 1 tổ chức vi phạm với số tiền 80 triệu đồng; 6 tháng đầu năm 2024: Xử phạt 1 tổ chức vi phạm hành chính trong khai thác khoáng sản với tổng số tiền 200 triệu đồng và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp 150,4 triệu đồng.

⁹ Thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản Số 03/GP-UBND ngày 13/02/2015 cấp cho Công ty CP Cao nguyên Hà Giang tại điểm mỏ Mường Ảng 4, xã Ảng Nưa, huyện Mường Ảng do vi phạm điểm a, d khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản 2010.

¹⁰ (1) Điểm mỏ bản Nậm He, xã Mường Tùng, huyện Mường Chà; (2) Điểm mỏ Búng Lao, xã Búng Lao, huyện Mường Ảng; (3) Điểm mỏ Cò Chạy, xã Mường Pồn, huyện Điện Biên; (4) Điểm mỏ Khối 1, thị trấn Mường Chà, huyện Mường Chà.

¹¹ Điểm mỏ bản Nậm He, xã Mường Tùng, huyện Mường Chà

¹² (1) Điểm mỏ bản Nậm He, xã Mường Tùng, huyện Mường Chà; (2) Điểm mỏ bản Hả, xã Pá Khoang, thành phố Điện Biên Phủ; (3) Điểm mỏ Minh Thắng 2, xã Quài Nưa, huyện Tuần Giáo; (4) Điểm mỏ Pa Tần, xã Pa Tần, huyện Nậm Pồ; (5) Điểm mỏ Huổi Dích, xã Na Sang, huyện Mường Chà.

¹³ (1) Điểm mỏ Minh Thắng 2, xã Quài Nưa, huyện Tuần Giáo; (2) Điểm mỏ Cò Chạy, xã Mường Pồn, huyện Điện Biên; (3) Điểm mỏ Búng Lao, xã Búng Lao, huyện Mường Ảng; (4) Điểm mỏ Khối 1, thị trấn Mường Chà, huyện Mường Chà; (5) Điểm mỏ Huổi Dích, xã Na Sang, huyện Mường Chà.

hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Điện Biên theo quy định của pháp luật.

Đối với khoản thu từ tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản; phối hợp với cơ quan thuế ban hành thông báo nộp tiền và đôn đốc các tổ chức trúng đấu giá thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định. Kết quả, số tiền trúng đấu giá đã nộp vào ngân sách nhà nước là 8.215.913.000 đồng, đối với 11 khu vực mỏ đã tổ chức đấu giá thành công.

Trong thực hiện thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định, Sở đã thực hiện việc lập, thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền và trình UBND tỉnh phê duyệt. Trên cơ sở quyết định phê duyệt, cơ quan thuế ban hành thông báo thu và theo dõi việc thực hiện. Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã thu nộp ngân sách nhà nước trong giai đoạn là 27.589.709.224 đồng.

Đối với các khoản thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường và lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, Sở đã thực hiện việc cung cấp số liệu sản lượng khai thác định kỳ của từng tổ chức được cấp phép cho cơ quan thuế để làm căn cứ xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định. Kết quả thực hiện nghĩa vụ tài chính trong giai đoạn 2019-2024 như sau: thuế tài nguyên đã thu là 49.103.711.900 đồng, phí bảo vệ môi trường đã thu là 16.862.716.356 đồng.

III. KẾT LUẬN

1. Những mặt làm được

Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2024, Sở đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao trong công tác tham mưu và tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường cơ bản đảm bảo theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

Công tác tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và đôn đốc thực hiện được triển khai bảo đảm cụ thể hóa các quy định của pháp luật phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương, làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Công tác quy hoạch và khoanh định khu vực hoạt động khoáng sản, Sở đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời để đáp ứng nhu cầu sử dụng khoáng sản của các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn.

Sở đã thực hiện thẩm định và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản, điều chỉnh, bổ sung giấy phép theo trình tự, thủ tục và điều kiện quy định. Việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và tham mưu cấp phép được thực hiện công khai, minh bạch, có sự phối hợp với các cơ quan liên quan.

Đối với việc tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch tổ chức đấu giá, lựa chọn tổ chức đấu giá chuyên nghiệp, xây dựng phương án đấu giá, xác định giá khởi điểm và trình

công nhận kết quả trúng đấu giá theo quy định tại Nghị định số 22/2012/NĐ-CP. Trong kỳ, 21/21 điểm mỏ khoáng sản đã được tổ chức đấu giá thành công.

Trong công tác kiểm tra, thanh tra hoạt động khai thác khoáng sản sau cấp phép, Sở đã tổ chức thực hiện các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất và thanh tra chuyên đề theo kế hoạch được phê duyệt; phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để giám sát, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản. Trong thời kỳ được thanh tra, đã xử lý vi phạm hành chính đối với 13 tổ chức và 25 cá nhân với tổng số tiền 1,305 tỷ đồng.

Phối hợp tích cực với Chi cục Thuế khu vực IX và Sở Tài chính trong công tác xác định, đơn đốc thu nộp các khoản nghĩa vụ tài chính phát sinh từ hoạt động khoáng sản, gồm: tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản, thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, lệ phí cấp giấy phép khai thác

2. Những hạn chế

Trong lĩnh vực tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐND quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh còn chưa đảm bảo thời hạn theo yêu cầu tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính Phủ.

Đối với nội dung khoanh định khu vực cấm và tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, Sở chưa tham mưu UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính Phủ.

Trong công tác tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản, năm 2019 và 2020, Sở chưa tham mưu ban hành kế hoạch đấu giá theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP. Đối với các khu vực chưa có kết quả thăm dò, chưa tham mưu xác định suất đầu tư hoặc tổng vốn đầu tư làm căn cứ đánh giá hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá theo khoản 3 Điều 68 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính Phủ.

Đối với công tác kiểm tra, thanh tra hoạt động khai thác khoáng sản sau cấp phép tại một số điểm mỏ còn chưa kịp thời phát hiện ra một số tồn tại trong hoạt động khai thác. Kết luận thanh tra số 1046/KL-TTr ngày 26/12/2024 của Chánh Thanh tra tỉnh, đã chỉ ra tình trạng một số mỏ chưa tuân thủ đầy đủ nội dung thiết kế mỏ; thực hiện thống kê, kiểm kê trữ lượng định kỳ, bản đồ hiện trạng, lắp đặt trạm cân và camera giám sát chưa đảm bảo theo quy định, Việc xác định số lần nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn chưa chính xác.

3. Nguyên nhân

Việc triển khai thực hiện chức năng tham mưu và quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh chịu tác động bởi đặc điểm phức tạp của hệ thống pháp luật chuyên ngành. Các quy định trong lĩnh vực khoáng sản thường xuyên

được sửa đổi, bổ sung, đòi hỏi phải kịp thời cập nhật, nghiên cứu và hướng dẫn thực hiện thống nhất. Trong một số trường hợp, việc nắm bắt và áp dụng quy định chưa kịp thời, dẫn đến việc tham mưu còn chưa được đầy đủ theo quy định hiện hành.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của lãnh đạo Sở, lãnh đạo các đơn vị trực thuộc trong công tác quản lý nhà nước về khai thác khoáng sản chưa được bảo đảm đồng bộ và toàn diện. Một số nội dung thuộc trách nhiệm tham mưu chưa được theo dõi, kiểm soát thường xuyên; sự phối hợp giữa các phòng chuyên môn và giữa Sở với các sở, ngành, địa phương có thời điểm chưa chặt chẽ, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng trong công tác lập quy hoạch, khoanh định khu vực hoạt động khoáng sản và tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Công tác kiểm tra, thanh tra hoạt động khai thác khoáng sản trong một số giai đoạn chưa bảo đảm tính liên tục, chưa bao quát hết các đối tượng, khu vực. Nhân lực chuyên môn và điều kiện kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ còn hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm trong hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

4. Trách nhiệm

Những tồn tại hạn chế nêu trên thuộc trách nhiệm của Giám đốc Sở qua các thời kỳ: Ông Ngôn Ngọc Khuê giai đoạn năm 2019-2020. Ông Vũ Ngọc Vương giai đoạn 2021 - 6/2024.

Thủ trưởng phòng chuyên môn và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm trực tiếp đối với các hạn chế, khuyết điểm trong quá trình tham mưu, tổ chức thực hiện các nội dung theo chức trách, nhiệm vụ được giao.

IV. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Kiến nghị xử lý trách nhiệm

Căn cứ các quy định, trách nhiệm và mức độ hạn chế qua thanh tra, đề nghị Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên tổ chức xem xét, kiểm điểm trách nhiệm của từng cá nhân và các công chức, viên chức trực tiếp tham mưu, thực hiện nhiệm vụ theo quy định pháp luật hiện hành. Trên cơ sở kết quả kiểm điểm, áp dụng hình thức xử lý phù hợp theo quy định pháp luật hiện hành.

(Có phụ biểu kèm theo)

2. Kiến nghị về công tác quản lý

Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản. Trong đó, cần chủ động rà soát, tham mưu ban hành kịp thời các văn bản quản lý, hướng dẫn thuộc thẩm quyền, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Rà soát, hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 24 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của

Chính phủ.

Tham mưu đầy đủ, kịp thời kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản; xác định rõ các tiêu chí, điều kiện đấu giá phù hợp với thực tế địa phương và bảo đảm đúng quy định pháp luật. Thực hiện kiểm tra, rà soát chặt chẽ các hồ sơ tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, bảo đảm đáp ứng đầy đủ điều kiện theo Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ.

Tăng cường kiểm tra định kỳ và đột xuất đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh, bảo đảm giám sát thường xuyên, liên tục và kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm theo quy định. Đơn đốc các tổ chức được cấp phép khai thác khoáng sản thực hiện nghiêm túc các nội dung đã được quy định trong giấy phép khai thác và thiết kế kỹ thuật được phê duyệt.

Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoáng sản cho công chức thuộc Sở; bố trí nguồn lực phù hợp để bảo đảm triển khai hiệu quả các nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao.

Trên đây là Kết luận thanh tra chuyên đề về công tác quản lý thăm dò, khảo sát, quy hoạch, cấp phép, khai thác, vận chuyển đối với các mỏ vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Đề nghị Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên chỉ đạo nghiêm túc khắc phục những hạn chế đã được nêu trong kết luận thanh tra, thực hiện đầy đủ các kiến nghị xử lý về trách nhiệm, và công tác quản lý. đồng thời tổ chức thực hiện công khai kết luận thanh tra bằng hình thức niêm yết theo quy định tại điểm c, Khoản 2, Điều 49, Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

Kết quả thực hiện được tổng hợp, báo cáo bằng văn bản gửi về Thanh tra tỉnh Điện Biên **trước ngày 30/6/2025**./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ (B/c);
- UBND tỉnh (B/c);
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên;
- Lãnh đạo Thanh tra tỉnh;
- Phòng nghiệp vụ II, IV;
- Cổng thông tin điện tử Thanh tra tỉnh;
- Lưu: VT, HSTTr.

**KT CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**

Đỗ Văn Dưỡng

Biểu danh sách các dự án được cấp phép thăm dò khoáng sản VLXD trên địa bàn tỉnh Điện Biên (Thời kỳ từ 01/01/2019 đến 30/6/2024)
(Kèm theo Kết luận số/KL-TTr ngày/6/2025)

TT	Địa điểm; tên dự án/mô	Loại khoáng sản	Số giấy phép; ngày cấp	Ngày hết hạn	Diện tích (ha)	Trữ lượng (kết quả thăm dò m3)	Thanh tra, kiểm tra, điều tra	Ghi chú
I Huyện Điện Biên								
1	Đội 2, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên	Cát VLXDTT	08/GP-UBND ngày 06/9/2019	12/06/2019	1,54	77.520		
2	Bãi màu Nậm Thanh và đội 19 (thôn Đại Thanh), xã Noong Luông, huyện Điện Biên	Cát VLXDTT	21/GP-UBND ngày 23/11/2020	23/02/2021	10	295.145		
3	Đội 1, bản Noong Vai và Đội 15, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên	Cát VLXDTT	12/GP-UBND ngày 29/8/2022	03/01/2023	5,995	Cát vàng 6.790 m3; cát đen 189.092 m3; cát san lấp 6.699 m3. Cuội, sỏi 9.515 m3.		
4	Thôn C2 – Yên Trường, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên.	Cát VLXDTT	13/GP-UBND ngày 29/8/2022	29/8/2023	4,752	173.571 m3 cát; 3.542 m3 sỏi		
5	Thôn C3 – Thanh Trường, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên	Cát VLXDTT	17/GP-UBND ngày 31/8/2022	31/8/2023	3,486	107.357 m3 cát. Khoáng sản đi kèm: Sỏi. 2.191 m3		
6	Thôn 2, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên	Cát VLXDTT	09/GP-UBND ngày 26/8/2022	26/8/2023	2,452	82.617 m3 cát; 1.686 m3 sỏi		
7	Đội 15, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên	Cát VLXDTT	10/GP-UBND ngày 25/8/2022	25/8/2023	7,425	95.804 m3 cát; 1.955 m3 sỏi		
8	Lòng suối Nậm Núa thuộc thôn Phú Ngam, xã Núa Ngam và bản Ta Lét, xã Hẹ Muông, huyện Điện Biên	Cát VLXDTT	11/GP-UBND ngày 25/8/2022	25/2/2023	1,4647	87.098 m3. Khoáng sản đi kèm: Sỏi, cát san lấp (Sỏi 9.784 m3, cát san lấp 16.353 m3).		
II Huyện Mường Ảng								
1	Búng Lao, xã Búng Lao, huyện Mường Ảng	Đá VLXDTT	09/GP-UBND ngày 17/10/2019	22/12/2019	1,4768	733.009		
III Thành phố Điện Biên Phủ								
1	Bản Pom loi, phường Nam Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ	Đất san lấp	02/GP-UBND ngày 18/3/2022	18/9/2022	10	608.405		
IV Huyện Mường Chà								
1	Bãi bồi lòng sông Nậm Mực thuộc bản Hin 2, xã Na Sang, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên	Cát VLXDTT	06/GP-UBND ngày 9/8/2022	23/01/2023	1,9827	48.093 m3 (trong đó: Cát tinh là 7.638 m3; cát trôi tính trong 15 năm là 40.455 m3). Khoáng sản đi kèm: Sỏi 14.462 m3 (trong đó: Sỏi tinh là 14.372 m3; sỏi trôi 15 năm 90 m3)		
2	Bãi bồi lòng sông Nậm Mực thuộc bản Mường Mươn, xã Mường Mươn, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên	Cát VLXDTT	07/GP-UBND ngày 9/8/2022	02/09/2023	5,8742	58.297 m3 (trong đó: Cát tinh là 17.842 m3; cát trôi tính trong 15 năm là 40.455 m3) Khoáng sản đi kèm: Sỏi 42.524 m3 (trong đó: Sỏi tinh là 42.434 m3; sỏi trôi 15 năm 90 m3).		
V Huyện Điện Biên Đông								
1	Bãi bồi lòng suối Nậm Giỏi, thuộc bản Yên Bua, huyện Điện Biên Đông	Cát VLXDTT	16/GP-UBND ngày 29/8/2022	03/01/2023	0,1115	61.870 m3 (trong đó: Cát tinh 1.070 m3; cát trôi tính trong 20 năm là 60.800 m3). Khoáng sản đi kèm: Sỏi Trữ lượng 2.772 m3 (trong đó: Sỏi tinh 52 m3; sỏi trôi 20 năm tại điểm mỏ 2.720 m3).		
2	Lòng suối Nậm Giỏi thuộc bản Mường Luân 1,2 xã Mường Luân, huyện Điện Biên Đông	Cát VLXDTT	15/GP-UBND ngày 29/8/2022	03/01/2023	0,08235	63.655 m3 (trong đó: Cát tinh là 775 m3; cát trôi tính trong 20 năm là 62.880 m3) Khoáng sản đi kèm: Sỏi. 4.045 m3 (trong đó: Sỏi tinh là 45 m3; sỏi trôi 20 năm là 4.000 m3)		
3	Lòng suối Nậm Giỏi thuộc bản Mường Luân 2, xã Mường Luân, huyện Điện Biên Đông.	Cát VLXDTT	14/GP-UBND ngày 29/8/2022	03/01/2023	0,25122	72.811 m3 (trong đó: Cát tinh là 3.311 m3; cát trôi tính trong 20 năm là 69.500 m3). Khoáng sản đi kèm: Sỏi. 4.629 m3 (trong đó: Sỏi tinh là 209 m3; sỏi trôi tính trong 20 năm là 4.420 m3).		

Biểu danh sách các dự án được cấp phép khai thác khoáng sản VLXD trên địa bàn tỉnh Điện Biên (Thời kỳ từ 01/01/2019 đến 30/6/2024)
(Kèm theo Kết luận số/KL-TTr ngày/6/2025)

STT	Địa điểm; tên dự án/mỏ	Chủ đầu tư/ đơn vị được cấp phép	Văn bản cho phép đầu tư	Quyết định cấp phép; ngày cấp	Quy mô (diện tích, trữ lượng)		Tổng sản lượng khai thác (m3)	Thanh tra, kiểm tra, điều tra	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Trữ lượng /C.suất năm			
I	Huyện Điện Biên								
1	Mỏ đá Tây Trang 7, xã Na U, huyện Điện Biên	Công ty TNHH đầu tư công nghiệp Tây Bắc	853/QĐ-UBND ngày 09/10/2018	03/GP-UBND ngày 22/4/2019	2,46	TL: 1.192.279 m3 CS: 60.000 m3/năm	209.500	Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với các sở ngành: Công thương, Xây dựng, UBND huyện Điện Biên kiểm tra	Nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản từ Công ty TNHH đầu tư công nghiệp Tây Bắc
2	Mỏ đá Tây Trang 7, xã Na U, huyện Điện Biên	Công ty Cổ phần năng lượng số 6 – Nậm Nhé 2A		Số 972/GP-UBND ngày 30/5/2024	2,46	TL: 863.551 m3 CS: 60.000 m3/năm			
3	Mỏ cát Đội 6, xã Pom Lót và đội 19, xã Noong Luống, huyện Điện Biên	Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đầu tư công nghệ Sơn Thủy	Giấy chứng nhận đầu tư số 62121000084	02/GP-UBND ngày 29/01/2019	1,4	TL: 56.469,6 m3 CS: 8.000 m3/năm	20.544,80	Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với các sở ngành: Công thương, Xây dựng, Chi Cục Thuế huyện Điện Biên; UBND huyện Điện Biên kiểm tra	Nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản; đã hết hạn khai thác tháng 7/2020
4	Mỏ cát Na Tông 1 và 2, xã Nà Tông, huyện Điện Biên	Công ty TNHH Kim Ngân	1657/UBND-TN ngày 14/5/2014	04/GP-UBND ngày 17/4/2019	1,358	TL: 40.472 m3 CS: 5.000 m3/năm		Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với các sở ngành: Công thương, Xây dựng, UBND huyện Điện Biên kiểm tra hiện trạng	Không thực hiện thuê đất, giấy phép khai thác đã hết hạn
5	Mỏ cát Đội 2, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên	Công ty TNHH Duyên Hùng tỉnh Điện Biên	90/QĐ-UBND ngày 17/01/2023	463/GP-UBND ngày 24/3/2023	1,0425	TL: 52.993 m3 CS: 8.000 m3/năm		Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với các sở ngành: Công thương, Xây dựng, UBND huyện Điện Biên kiểm tra hiện trạng	
6	Mỏ cát bãi màu Nậm Thanh và Đội 19 (thôn Đại Thanh) xã Noong Luống, huyện Điện Biên	Công ty TNHH Duyên Hùng tỉnh Điện Biên	520/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	1935/GP-UBND ngày 28/11/2023	7,76	TL: 408.836 m3 CS: 45.500 m3/năm		Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với các sở ngành: Công thương, Xây dựng, UBND huyện Điện Biên kiểm tra hiện trạng	Đang hoàn thiện thủ tục thuê đất
7	Mỏ cát Thôn 2, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên	Công ty TNHH Dũng Minh	1033/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	2177/GP-UBND ngày 29/12/2023	2,1977	TL: 83.862 m3 CS: 10.200 m3/năm	8.800 m3 cát; 200 m3 sỏi	Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với các sở ngành: Công thương, Xây dựng, UBND huyện Điện Biên kiểm tra hiện trạng	
8	Bổ sung Đất tăng phủ làm vật liệu san lấp tại mỏ đá Cò Chạy, xã Mường Pồn, huyện Điện Biên	Công ty TNHH xây dựng và thương mại Ngọc Linh tỉnh Điện Biên	939/QĐ-UBND ngày 30/9/2015	1785/QĐ-UBND ngày 27/9/2022	3,7	TL: 427.858 m3 CS: 213.929 m3/năm	448.105	Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với các sở ngành: Công thương, Xây dựng, UBND huyện Điện Biên kiểm tra hiện trạng	Bổ sung đất tăng phủ làm vật liệu san lấp
9	Mỏ cát Đội 15, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên	Công ty TNHH Ánh Ngọc Điện Biên	1252/QĐ-UBND ngày 10/8/2023	Số 75/GP-UBND ngày 15/01/2024	3,08	TL: 95.804 m3 cát; 1.955 m3 sỏi CS: 12.232 m3/năm			
10	Thôn C2 – Yên Trường, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên,	Công ty TNHH đầu tư CTS tỉnh Điện Biên	1378/QĐ-UBND ngày 24/8/2023	Số 520/GP-UBND ngày 18/3/2024	4,752	TL: 164.892 m3 cát; 3.365 m3 sỏi. CS: Năm thứ nhất: Công suất 4.224 m3/năm. Trong đó, khối lượng cát 4.000 m3; sỏi 224 m3. + Năm thứ 2 đến năm thứ 14: Công suất 12.224 m3/năm. Trong đó, khối lượng cát 12.000 m3; sỏi 224 m3. + Năm thứ 15: Công suất 5.121 m3/năm. Trong đó,			

						khối lượng cát 4.892 m3; sỏi 229 m3.			
II	Thành phố Điện Biên Phủ								
1	Bổ sung Đất tăng phù làm vật liệu san lấp tại mỏ đá Bán Hả, xã Pả Khoang, TP Điện Biên Phủ	Công ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	1068/QĐ-UBND ngày 26/10/2015	474/QĐ-UBND ngày 27/3/2023	2,9588	TL: 252.245 m3 CS: 252.245 m3/năm	161.224		Bổ sung đất tăng phù làm vật liệu san lấp
2	Mỏ đất san lấp bản Pom Loi, phường Nam Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ	Công ty CP xây lắp điện Đức Bảo Kon Tum - Chi nhánh Điện Biên	2129/QĐ-UBND ngày 16/11/2022	1193/GP-UBND ngày 28/7/2023	10	TL: 595.420 m3 CS: 200.000 m3/năm			Đang hoàn thiện thủ tục thuê đất
III	Huyện Mường Ảng								
1	Mỏ đá Búng Lao, xã Búng Lao, huyện Mường Ảng	Công ty TNHH Tới Hánh	06/CTCTĐT-UBND ngày 30/3/2021	08/GP-UBND ngày 18/5/2021	1,4768	TL: 560.629 m3 CS: 30.000 m3/năm	19.003,24	Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với UBND huyện kiểm tra	
IV	Huyện Mường Chà								
1	Mỏ đá Huổi Đích, xã Na Sang, huyện Mường Chà	Công ty TNHH thương mại và xây dựng số 6	1372/QĐ-UBND ngày 02/8/2021	11/GP-UBND ngày 21/8/2020; 273/QĐ-UBND ngày 10/3/2021; 1686/QĐ-UBND ngày 15/9/2021	1,21	TL: 254.034 m3 CS: 60.000 m3/năm	162.331	Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các sở ngành: Công thương, Xây dựng, UBND huyện Mường Chà kiểm tra	Nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản; điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản
V	Huyện Nậm Pồ								
1	Mỏ đá Huổi Nhật 2 xã Chà Nưa, huyện Nậm Pồ	Công ty TNHH Phong Linh Điện Biên	Giấy chứng nhận đầu tư số 62121000090	12/GP-UBND ngày 20/9/2021	1,0	TL: 445.403 m3 CS: 30.000 m3/năm		Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với các sở ngành: Công thương, Xây dựng, UBND huyện kiểm tra hiện trạng	Nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản; chưa khai thác do chưa hoàn thiện thủ tục cấp vật liệu nổ công nghiệp
VI	Huyện Mường Nhé								
1	Mỏ đá Sen Thượng, xã Sen Thương, huyện Mường Nhé	Công ty TNHH Đức Hùng Điện Biên	1070/QĐ-UBND ngày 26/10/2015	05/GP-UBND ngày 09/8/2022	2,466	TL: 250.265 m3 CS: 4.000 m3/năm	1.494	Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với các sở ngành: Công thương, Xây dựng, UBND huyện kiểm tra hiện trạng	Nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản
VII	Huyện Tủa Chùa								
1	Sín Sủ, xã Xá Nhè, huyện Tủa Chùa	Công ty TNHH Hoàng Ánh tỉnh Điện Biên	1371/QĐ-UBND ngày 02/8/2021	491/QĐ-UBND ngày 11/3/2022	0,7346	TL: 278.119 CS: 20.000		Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với các sở ngành: Công thương, Xây dựng, UBND huyện kiểm tra hiện trạng	điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản; đang mở đường vào mỏ

BIỂU TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH CỦA CÁC DỰ ÁN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VLXD TRÊN ĐỊA BÀN (Thời kỳ từ 01/01/2019 đến 30/06/2024)

(Kèm theo Kết luận số/KL-TTr ngày/6/2025)

TT	Tên dự án/mô Địa điểm	Chủ đầu tư	Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính												Ghi chú
			Số phải thu						Số đã thực hiện						
			Tổng số	Tiền CQKTKS	Thuế tài nguyên	Tiền ký quỹ phục hồi MT	Phí bảo vệ môi trường	Tiền thuê đất	Tổng số	Tiền CQKTKS	Thuế tài nguyên	Tiền ký quỹ phục hồi MT	Phí bảo vệ môi trường	Tiền thuê đất	
	Tổng cộng		121.727.489.343	31.766.263.347	50.318.080.019	4.351.818.229	16.991.543.467	18.299.784.281	114.896.717.710	27.589.709.224	49.103.711.900	3.440.371.465	16.862.716.356	17.900.208.765	
1	Tây Trang, xã Na U', huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	Công ty cổ phần Xi Măng Điện Biên	31.249.314.017	7.675.056.384	6.973.574.000	26.148.359	2.956.386.500	13.618.148.774	30.058.215.967	6.485.461.992	6.973.574.000	24.644.701	2.956.386.500	13.618.148.774	
2	Ka Hâu II, xã Na U', huyện Điện Biên	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và dịch vụ Hoàng Anh	19.561.089.979	5.704.914.000	9.095.226.560	139.479.288	4.086.962.122	534.508.009	19.067.735.374	5.229.504.500	9.095.226.560	114.867.713	4.086.962.122	541.174.479	
3	Mỏ Minh Thảng 2, xã Quài Nưa, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	Doanh nghiệp TM tư nhân Đại Dương	4.556.542.537	871.344.000	2.474.923.442	157.073.261	862.665.729	190.536.105	4.427.841.691	798.732.000	2.474.923.442	129.492.707	862.665.729	162.027.813	
4	Huổi Dích, xã Na Sang, huyện Mường Chà	Công ty TNHH thương mại và xây dựng số 6	5.133.412.233	252.066.500	4.145.812.201	359.509.011	285.235.221	90.789.300	5.530.672.322	252.066.500	4.145.812.201	285.235.221	756.769.100	90.789.300	
5	Bản Nà Rì, xã Chiềng Sơ, huyện Điện Biên Đông	Công ty TNHH thương mại và xây dựng số 6	504.825.886	115.030.000	-	321.476.054	-	68.319.832	483.911.494	115.030.000	-	318.540.565	-	50.340.929	
6	Huổi Nhặt 2 xã Chà Nưa, huyện Nậm Pồ	Công ty CP đầu tư XD và TM Huy Hoàng (Công ty Phong Linh nhân chuyển nhượng)	684.098.092	406.953.000	-	224.531.256	-	52.613.836	587.684.448	406.953.000	-	147.604.218	-	33.127.230	
7	Mường Toong, xã Mường Toong, huyện Mường Nhé	Công ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	3.688.131.466	357.438.000	2.052.001.588	212.848.729	990.420.400	75.422.749	3.445.496.237	327.651.500	2.052.001.588	0	990.420.400	75.422.749	
8	Pằng Dế B, xã Xá Nhé, huyện Tủa Chùa	Công ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	590.710.617	404.148.000	-	144.188.139	-	42.374.478	410.360.076	370.469.000	-	0		39.891.076	
9	Pa Tàn, xã Pa Tàn, huyện Nậm Pồ	Công ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	454.586.432	191.874.000	-	232.382.354	-	30.330.078	396.179.602	175.884.500	-	191.578.248		28.716.854	
10	Khối 1, TT Mường Chà, huyện Mường Chà	Công ty cổ phần Đường bộ II	3.463.380.880	348.549.000	2.020.311.768	99.186.908	493.115.470	502.217.734	3.354.866.040	312.438.500	2.018.608.645	89.516.004	487.598.990	446.703.901	
11	Mường Ảng 4, xã Ảng Nưa, huyện Mường Ảng	Công ty cổ phần cao nguyên Hà Giang	1.531.201.679	1.438.366.963	25.283.200	45.390.998	4.233.000	17.927.518	431.576.000	423.576.000		8.000.000	-		Đã thu hồi giấy phép kinh doanh; giấy phép khai thác 2021
12	Mường Ảng 1, TT Mường Ảng, huyện Mường Ảng	Công ty TNHH Minh Quý Điện Biên	8.362.241.393	1.238.814.000	4.659.717.905	97.853.132	1.757.722.931	608.133.425	7.861.172.627	1.024.086.000	4.524.155.235	94.346.105	1.694.683.031	523.902.256	
13	Tây Trang 10, xã Na U', huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	Công ty cổ phần Đầu tư thương mại Hưng Long	13.852.161.683	4.540.543.500	6.806.212.046	129.489.557	1.897.070.655	478.845.925	12.916.468.294	3.733.336.000	6.806.212.046	100.763.236	1.897.070.655	379.086.357	
14	Mường Nhà 1, xã Mường Nhà, huyện Điện Biên	Công ty TNHH XD và TM Ngọc Đăng	1.946.226.314	445.371.000	1.003.065.244	178.747.389	210.397.585	108.645.096	1.898.276.978	408.256.750	1.003.065.244	178.747.389	210.397.585	97.810.010	
15	Bản Pom Lót, xã Pom Lót và đội 18, xã Noong Luông, huyện Điện Biên	Công ty TNHH XD và TM Ngọc Đăng	116.214.384	-	-	116.214.384	-		82.156.471	-	-	82.156.471	-		Bản Pom Lót, xã Pom Lót và đội 18, xã Noong Luông, huyện Điện Biên (đã nộp hết 285,088,000đ năm 2017)
16	Đèo Gió, xã Sính Phình, huyện Tủa Chùa	DNTN xây dựng Duy Hồng	780.418.490	308.340.000	232.429.095	133.662.347	66.817.155	39.169.893	749.548.590	282.645.000	232.429.095	133.662.347	66.817.155	33.994.993	
17	Sín Sủ, xã Xá Nhé, huyện Tủa Chùa	Công ty TNHH Hoàng Anh	1.737.176.174	549.504.000	906.012.053	164.277.329	89.671.479	27.711.313	1.495.819.818	485.413.482	728.746.215	164.277.329	89.671.479	27.711.313	
18	Mỏ Tây Trang 7, xã Na U', huyện Điện Biên	Công ty CP Năng lượng lương số 6 – Nậm Nhé 2A nhận chuyển nhượng	6.200.115.923	1.601.105.000	3.352.300.000	283.957.042	921.070.000	41.683.881	6.124.232.245	1.601.105.000	3.352.300.000	249.757.245	921.070.000	-	
19	Lồng suối Nậm He Nọi, xã Mường Tùng, huyện Mường Chà	Công ty TNHH số 32 tỉnh Điện Biên	476.545.241	-	248.451.750	112.785.193	58.575.000	56.733.298	470.287.892	-	248.451.750	112.785.193	58.575.000	50.475.949	Lồng suối Nậm He Nọi, xã Mường Tùng, huyện Mường Chà (đã nộp hết 191,070.000đ năm 2017)
20	Đội 19 xã Noong Het và đội 19 xã Noong Luông, huyện Điện Biên	Công ty TNHH Lâm my tỉnh Điện Biên	1.090.033.053	-	823.026.750	126.379.303	140.627.000	-	989.333.315	-	823.026.750	101.734.065	64.572.500	-	Đội 19 xã Noong Het và đội 19 xã Noong Luông, huyện Điện Biên (đã nộp hết 389,148,000 đ năm 2017)
21	Đội 6 xã Pom Lót và đội 19, xã Noong Luông, huyện Điện Biên	Công ty TNHH thương mại dịch vụ đầu tư công nghệ Sơn Thủy	936.876.916	-	763.386.477	43.405.359	130.085.080	-	944.405.295	-	763.386.477	43.405.359	130.085.080	7.528.379	Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đầu tư công nghệ Sơn Thủy (Doanh nghiệp thương mại tư nhân Nam Sơn đã nộp hết 439.107.609đ năm 2015)

22	Đội 6 xã Pom Lót và đội 18, xã Noong Luông, huyện Điện Biên	Công ty TNHH vật liệu và xây dựng Phương Bắc	273.192.599	-	154.360.548	52.920.693	25.800.400	40.110.958	273.195.041	-	154.360.548	52.920.693	25.800.400	40.113.400	Đội 6, xã Pom Lót và đội 18, xã Noong Luông, huyện Điện Biên (đã nộp hết 292.855,046 năm 2015)
23	Đội 1, bản Noong Vai, xã Thanh Yên và đội C9, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên	Công ty cổ phần Thịnh Vương	1.330.420.347	-	941.975.726	83.780.493	263.104.200	41.559.928	1.289.683.545	-	941.975.726	45.002.837	263.104.200	39.600.782	Đội 1, bản Noong Vai, xã Thanh Yên và Đội C9, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên (đã nộp hết 385.304,000 năm 2016)
24	Búng Lao, xã Búng Lao, huyện Mường Ảng	Công ty TNHH Tới Hạnh	1.662.580.107	377.478.000	196.788.118	158.653.136	68.649.240	861.011.613	1.490.674.879	319.863.000	111.337.800	158.653.136	39.809.330	861.011.613	
25	Đội 2, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên	Công ty TNHH Duyên Hùng tỉnh Điện Biên	776.907.393	279.522.000	360.965.100		88.352.600	48.067.693	772.858.194	279.522.000	360.965.100		88.352.600	44.018.494	
26	Bãi màu Nậm Thanh và Đội 19 (thôn Đại Thanh) xã Noong Luông, huyện Điện Biên	Công ty TNHH Duyên Hùng tỉnh Điện Biên	2.757.721.000	2.757.721.000	-		-	-	2.757.721.000	2.757.721.000					chưa khai thác
27	Thôn 2, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên	Công ty TNHH Dũng Minh	721.778.819	466.858.000	-	98.504.981	-	156.415.838	765.362.981	466.858.000		98.504.981		200.000.000	
28	Bản Pom Lôi, phường Nam Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ	Công ty CP xây lắp điện Đức Bảo Kon Tum - Chi nhánh Điện Biên	502.960.000	502.960.000	-		-		502.960.000	502.960.000					chưa khai thác
29	Bản Hà, xã Pá Khoang, TP Điện Biên Phủ	Công ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	3.620.035.163	259.588.000	2.052.001.588	217.481.664	990.420.400	100.543.511	3.183.889.428	234.059.000	1.848.406.618	170.653.795	841.375.200	89.394.815	
30	Cò Chạy, xã Mường Pồn, huyện Điện Biên	Công ty TNHH XD&TM Ngọc Linh	2.876.296.105	630.054.000	970.494.860	208.552.649	599.231.100	467.963.496	1.865.169.945	574.784.000	384.986.860	160.582.686	325.599.100	419.217.299	
31	Sen Thượng, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên	Công ty TNHH Đức Hùng Điện Biên	290.294.421	42.665.000	59.760.000	182.939.221	4.930.200		268.961.921	21.332.500	59.760.000	182.939.221	4.930.200		

Biểu Kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản
(Kèm theo Kết luận số/KL-TTr ngày/6/2025)

STT	Tên đơn vị trúng đấu giá	Vị trí điểm mỏ	Giá khởi điểm (đồng/%)	Giá trả trúng (đồng/%)	Chênh lệch giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm
1	Công ty TNHH Duyên Hùng tỉnh Điện Biên	(1) Bãi màu Nậm Thanh và Đội 19 (Thôn Đại Thanh), xã Noong Luống, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	2.397.721.000	2.757.721.000	360.000.000
		(2) Khu vực mỏ cát Đội 2, xã Thanh Yên huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	253.522.000	279.522.000	26.000.000
2	Công ty TNHH Nam Khánh Điện Biên	(3) Khu vực điểm mỏ lòng sông Nậm Núa thuộc thôn Pú Ngam, xã Núa Ngam và Bản Tát Hẹ, xã Hẹ Muông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	5,00%	5,75%	0,75%
3	Công ty TNHH vật liệu xây dựng Thanh Yên	(4) Khu vực điểm mỏ Đội 1, Bản Noong Vai và Đội 15, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	5,00%	25,00%	20,00%
4	Công ty TNHH Ánh Ngọc Điện Biên	(5) Khu vực điểm mỏ Đội 15, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	5,00%	6,00%	1,00%
5	Công ty TNHH Dũng Minh	(6) Khu vực điểm mỏ Thôn 2, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	5,00%	5,50%	0,50%
6	Công ty TNHH Đầu tư CTS tỉnh Điện Biên	(7) Khu vực điểm mỏ Thôn C2-Yên Trường, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	5,00%	5,75%	0,75%
7	Công ty TNHH thương mại dịch vụ và đầu tư công nghệ Sơn Thủy	(8) Khu vực điểm mỏ Thôn C3-Thanh Trường, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	5,00%	5,50%	0,50%
8	Công ty CP Lộc Thịnh Tây Bắc	(9). Khu vực điểm mỏ lòng suối Nậm Giỏi thuộc bản Mường Luân 1, 2 xã Mường Luân, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên	5,00%	6,00%	1,00%
		(10) Khu vực điểm mỏ lòng suối Nậm Giỏi thuộc bản Mường Luân 2, xã Mường Luân, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên	5,00%	5,75%	0,75%
		(11). Khu vực điểm mỏ lòng suối Nậm Giỏi thuộc bản Yên Bua, xã Luân Giỏi, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên	5,00%	6,00%	1,00%
9	Công ty TNHH Quang Phúc Điện Biên	(12) Khu vực điểm mỏ bãi bồi lòng suối Nậm Mực thuộc bản Mường Mươn, xã Mường Mươn, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên	5,00%	5,50%	0,50%
		(13) Khu vực điểm mỏ bãi bồi lòng suối Nậm Mực thuộc bản Hín 2, xã Na Sang, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên	5,00%	5,50%	0,50%
10	Công ty TNHH Đầu tư và khai thác khoáng sản Cường Phát	(14) Điểm mỏ đất làm vật liệu san lấp bản Mền, xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên	3%	11,85%	8,85%
		(15) Điểm mỏ đất làm vật liệu san lấp bản Hả, bản Xôm, xã Pá Khoang, thành phố Điện Biên Phủ	3%	3,15	0,15%
11	Công ty TNHH Lâm Anh Điện Biên	(16) Điểm mỏ đất làm vật liệu san lấp Khối Đồng Tâm, thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần Giáo	3%	10,50%	7,50%
12	Công ty CP sản xuất vật liệu xây dựng gạch Tuynel công nghệ cao Điện Biên	(17) Điểm mỏ đất làm nguyên liệu sản xuất gạch bản Pú Tiu, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên	5%	5,25%	0,25%
13	Công ty TNHH đầu tư khoáng sản Thành Minh	(18) Điểm mỏ cát, sỏi tại lòng suối Nậm Húa thuộc bản Nôm, bản Chăn, xã Chiềng Đông, huyện Tuần Giáo	5%	30,25%	25,25%
14	Công ty TNHH Đại Phong tỉnh Điện Biên	(19) Điểm mỏ cát, sỏi tại lòng suối Nậm Lay thuộc xã Lay Nưa, thị xã Mường Lay	5%	21%	16%
15	Công ty Cổ phần Xuân Lộc Tây Bắc	(20) khu vực điểm mỏ lòng suối Lư thuộc bản Suối Lư 1, 2, 3, xã Keo Lôm và bản Háng Pu Xi, xã Phi Nhừ, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên	5%	5,50%	0,50%
16	Công ty TNHH Đại Phong tỉnh Điện Biên	(21) Điểm mỏ cát, sỏi lòng suối Nậm Xả thuộc bản Mường Toong, xã Mường Toong, huyện Mường Nhé	5%	5,50%	0,50%

BIỂU TỔNG HỢP TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CÁC HẠN CHẾ
(Kèm theo Kế luận số/KL-TTr ngày tháng 6 năm 2025)

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Nội dung vi phạm	Kiến nghị xử lý trách nhiệm			Ghi chú
			Hành chính	Chuyên cơ quan công an	Chuyên cơ quan chức năng khác	
1	Ông Ngôn Ngọc Khuê - Nguyên Giám đốc Sở thời kỳ 2019-2020	Trách nhiệm người đứng đầu Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên thời kỳ 2019 - 2020.	x			
2	Ông Vũ Ngọc Vương – nguyên Giám đốc Sở thời kỳ 2021-6/2024	Trách nhiệm người đứng đầu Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021 - 6/2024.	x			
3	Ông Nguyễn Thành Trung - Trưởng phòng Quản lý môi trường và Khoáng sản	Chịu trách nhiệm trong tham mưu, thực hiện về: Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; khoanh định khu vực cấm và tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm VLXD; kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản.	x			